

Số: 71/2020/QĐST-HNGĐ

H, ngày 03 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 102/2020/TLST - HNGĐ, ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Trần Xuân X; Sinh năm: 1983;

Địa chỉ: Xóm 5, xã B, huyện H, tỉnh Nghệ An.

*Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị K; Sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Xóm 5, xã B, huyện H, tỉnh Nghệ An.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Chính sách xã hội.

Địa chỉ: Số 169, phố S, phường Y, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T; Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Quang D; Sinh năm: 1985;

Chức vụ: Phó giám đốc ngân hàng chính sách xã hội huyện H.

Địa chỉ: Ngân hàng chính sách xã hội huyện H, khối 3, thị trấn H, huyện H, tỉnh Nghệ An (Theo Giấy ủy quyền số 10/2019/NHCS - UQ ngày 10 tháng 4 năm 2020).

Căn cứ vào Điều 28, 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Trần Xuân X và chị Nguyễn Thị K.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Trần Xuân X và chị Nguyễn Thị K thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Anh Trần Xuân X và chị Nguyễn Thị K thỏa thuận: Giao con chung là Trần Xuân Q, sinh ngày 04/02/2007 và Trần Xuân V, sinh ngày 12/7/2016 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Giao con chung là Trần Xuân Z, sinh ngày 03/10/2010 và Trần Xuân M, sinh ngày 27/10/2013 cho anh Trần Xuân X trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Trần Xuân X và chị Nguyễn Thị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của con thì các bên đương sự có quyền xin thay đổi người nuôi con và yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Anh Trần Xuân X và chị Nguyễn Thị K tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Về Các khoản nợ*: Anh Trần Xuân X, chị Nguyễn Thị K và đại diện theo ủy quyền của ngân hàng chính sách xã hội thỏa thuận thống nhất anh Trần Xuân X chịu trách nhiệm trả toàn bộ số nợ là 58.141.091đ (năm mươi tám triệu một trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi một đồng) (tính đến ngày 24/8/2020), trong đó: vay theo diện chính sách chương trình hộ thoát nghèo số tiền 50.000.000đ tiền gốc và tiền lãi đến ngày 24/8/2020 là 119.392đ. Vay chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường số tiền 12.000.000đ, đã trả nợ gốc 4.000.000đ và tiền lãi đến ngày 24/8/2020 là 21.699đ.

Anh Trần Xuân X phải chịu tiền lãi suất phát sinh trên số tiền gốc cho đến khi thanh toán xong số tiền gốc.

- *Về án phí*: Anh Trần Xuân X, chị Nguyễn Thị K và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách xã hội thỏa thuận:

Anh Trần Xuân X chịu toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và 1.450.000đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự về các khoản nợ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) mà anh X đã nộp

tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H theo biên lai thu tiền số 0002149 ngày 10 tháng 8 năm 2020. Trả lại cho anh X số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền phải thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS huyện H;
- TAND tỉnh Nghệ An;
- THADS huyện H;
- UBND xã B;
- Lưu HS, VP./.

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H**  
**Thẩm phán**

**Lâm Quốc Tú**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
-----

**BIÊN BẢN**  
**GIAO NHẬN QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày     tháng     năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An.

Tôi là: Lê Thị Oanh; Chức vụ: Cán bộ Tòa án.

Đã giao Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 01/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2019, của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nghệ An.

Cho người nhận là: .....

.....

.....

.....

Là đương sự trong vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”

Biên bản giao nhận kết thúc vào hồi ... giờ ...phút, ngày     tháng     năm 2019

**BÊN GIAO**

**BÊN NHẬN**